

**CÔNG TY TNHH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VẠN CẨM THÁI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VẠN CẨM THÁI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301240351

**3. Ngày thành lập:** 12/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô đất số 27 Liên kề 1, Đường Huyền Quang 2, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0902982622

Fax:

Email: lechi.443@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy) | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                               | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                      | 4663        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                          | 8299        |
| 7.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                          | 7110(Chính) |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                    | 7410        |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)                                                                                                                                    | 4690        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101        |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102        |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                          | 4222        |
| 13. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                        | 4293        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                   | 4299        |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                      | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THỊ MỸ CHI

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 15/02/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089190000626

Ngày cấp: 15/01/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: RS 7-05.03 C/ ốc 239 – 241 và 278 Hòa Bình, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: RS 7-05.03 C/ ốc 239 – 241 và 278 Hòa Bình, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ MỸ CHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/02/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089190000626

Ngày cấp: 15/01/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: RS 7-05.03 C/ ốc 239 – 241 và 278 Hòa Bình, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: RS 7-05.03 C/ ốc 239 – 241 và 278 Hòa Bình, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh